

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) TẠI TP.HCM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Dương Thị Bình Minh & Sử Đình Thành & Hà Thị Ngọc Oanh

Đặt vấn đề

Ở mỗi giai đoạn phát triển kinh tế đều có những mục tiêu, yêu cầu khác nhau nên mỗi nước phải thường xuyên rà soát và điều chỉnh chính sách để môi trường đầu tư trở nên hấp dẫn và tăng khả năng cạnh tranh thu hút vốn FDI. Chẳng hạn, Chính phủ phải rà soát lại những yếu tố cấu thành môi trường đầu tư để đưa ra các biện pháp mới, hoặc sửa đổi các chính sách, quy định có liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư nhằm cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của nhà đầu tư và tăng cường sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Bài viết chỉ đề cập và phân tích các yếu tố cơ bản của môi trường đầu tư, đánh giá trên góc độ tổng hợp những kết quả và hạn chế của môi trường đầu tư thu hút vốn FDI tại TP.HCM. Trên cơ sở đó và bằng các phương pháp nghiên cứu (khảo sát thực tiễn, chuỗi thời gian, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống), nhóm tác giả đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện hơn môi trường đầu tư nhằm thu hút FDI vào TP.HCM trong thời gian tới.

1. Môi trường đầu tư thu hút vốn FDI

Môi trường đầu tư thu hút vốn FDI là tổng thể những tác động bên trong của nước tiếp nhận và những tác động từ bên ngoài lên hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN). Những tác động này có thể làm cho luồng vốn FDI chảy vào trong nước mạnh hơn nhưng cũng có thể làm cho

tốc độ thu hút FDI chậm đi.

Thực tế cho thấy quốc gia nào, khu vực nào có môi trường đầu tư thuận lợi và ổn định thì quốc gia đó, khu vực đó cũng sẽ có cơ hội thu hút được nhiều vốn FDI hơn. Nhà ĐTNN khi đến đầu tư tại một nơi nào đó đều đặc biệt quan tâm về những vấn đề sau đây:

- + Kết cấu hạ tầng kinh tế có theo kịp hoặc có phù hợp với tốc độ thu hút nguồn vốn FDI hay không?

- + Nguồn nhân lực có đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư (về số lượng và chất lượng) yên tâm đầu tư lâu dài tại một nước, một khu vực hay không? Đặc biệt chú ý đến nguồn nhân lực tại chỗ.

- + Thủ tục đầu tư đơn giản hay phức tạp; thái độ của quan chức, cán bộ công quyền đối với nhà đầu tư như thế nào?

Ngoài ra, theo Tổ chức Tư vấn rủi ro kinh tế và chính trị (PERC - trụ sở tại Hongkong), các tiêu chí đánh giá những tác động (của nước tiếp nhận) đến hoạt động của nhà ĐTNN là: tình hình ổn định chính trị - xã hội; các thể chế của nhà nước; nguồn nhân lực; các yếu tố tự nhiên; các diễn biến từ bên ngoài và những tác động khác (như nguồn lực vật chất) cũng có tác động đáng kể đến việc thu hút nguồn vốn FDI.

2. Phân tích các yếu tố cơ bản của môi trường đầu tư thu hút vốn FDI tại TP.HCM trong bối cảnh VN là thành viên của WTO

* Trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM

** Học viện Hành chính quốc gia

2.1 Môi trường kinh tế vĩ mô

TP.HCM có những lợi thế về hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện với hệ thống cảng, sân bay; nguồn cung cấp nhân lực theo yêu cầu, công nghiệp phụ trợ sẵn sàng; bộ máy quản lý hành chính thạo việc... Hơn nữa, theo các nhà ĐTNN và các tổ chức quốc tế đánh giá thì sức hấp dẫn đặc biệt mà đã thu hút các nhà ĐTNN đến TP.HCM chính là tình hình chính trị - xã hội của VN nói chung và TP.HCM nói riêng rất ổn định. Hơn nữa, theo chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ban, ngành Trung ương và TP.HCM đã có nhiều thiện chí và nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư. Ngoài ra từ năm 2003, TP.HCM đã đi trước cả nước để áp dụng cơ chế thủ tục “một cửa” đối với nhà đầu tư trong đăng ký kinh doanh, sử dụng đất, đầu tư và xây dựng.

Ngoài việc tổ chức các cuộc hội nghị xúc tiến đầu tư, lãnh đạo TP.HCM còn bố trí những cuộc gặp gỡ thường xuyên với các doanh nghiệp để lắng nghe nguyện vọng và tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

TP.HCM còn là một trong những địa phương đi đầu trong việc áp dụng tiêu chuẩn ISO để đánh giá, kiểm soát thường xuyên hoạt động của các cơ quan hành chính trong việc giải quyết các công việc của cá nhân, tổ chức. Thực tiễn việc áp dụng các tiêu chuẩn ISO vào hoạt động hành chính đã mang lại những kết quả đáng kể: Việc giải quyết các công việc của người dân nói chung và các nhà đầu tư nói riêng trở nên đơn giản, nhanh gọn, đúng pháp luật, đúng thời hạn, đúng thủ tục.

Những hoạt động mang tính hỗ trợ nhà đầu tư

- Trung tâm xúc tiến đầu tư và thương mại chịu trách nhiệm hướng dẫn các nhà đầu tư tìm hiểu cơ chế, chính sách, quy hoạch, giá thị trường... TP.HCM đã xây dựng trang thông tin điện tử đối thoại giữa doanh nghiệp FDI đồng thời xây dựng ngân hàng dữ liệu thông tin, giúp nhà đầu tư tăng thêm khả năng tìm kiếm về đầu tư và kinh doanh ở TP.HCM.

- UBND TP.HCM đã chỉ đạo tập trung đầu tư cho cơ sở hạ tầng để tăng thêm điều kiện thuận lợi đạt tới mức tối ưu cho hoạt động kinh tế nói chung và đầu tư nói riêng; phát triển các tuyến giao thông công cộng với nhiều hình thức nhằm tăng cường khả năng thu hút vốn đầu tư vào TP.HCM.

- Hoàn thành quy hoạch chi tiết sử dụng đất, đồng thời đẩy mạnh công tác đền bù giải tỏa, ban hành quy định thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân quá thời hạn không khai thác để giao cho các nhà đầu tư khác có tiềm năng.

- Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục cấp phép cho các dự án đầu tư (bao gồm thủ tục đất đai, quy hoạch, cấp giấy chứng nhận đầu tư, tuyển dụng lao động, thuế, hải quan...).

- Để nâng cao sức cạnh tranh trong việc thu hút nguồn vốn FDI, TP.HCM còn mạnh dạn cải thiện và tiếp tục cải tiến, công khai hóa các quy trình, thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và triển khai dự án trong thời gian sớm nhất

2.2 Các thể chế công

- *Hệ thống luật pháp*: Hoàn thiện luật đầu tư, pháp luật và các văn bản dưới luật về bảo vệ môi trường, cải cách hành chính, môi trường tài chính, cơ sở hạ tầng.

- *Chính sách*:

+ Chính sách ưu đãi về thuế, miễn giảm thuế đối với các hạng mục đầu tư có khả năng cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, có khoa học kỹ thuật tiên tiến và những hạng mục đầu tư có vốn lớn.

+ Các chính sách và biện pháp ưu đãi, hoặc ưu đãi đặc biệt nhằm khuyến khích doanh nghiệp nước ngoài tăng cường sử dụng nguyên liệu nội địa; tạo điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu và đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu; tạo điều kiện thúc đẩy cạnh tranh giữa nhà ĐTNN với những ngành có sản phẩm xuất khẩu ở thị trường nội địa; khuyến khích nhà ĐTNN đưa tiến bộ kỹ thuật vào nội địa thông qua những hợp đồng phát minh, sáng chế, chuyển giao công nghệ.

Một số chính sách ưu đãi đầu tư đối với dự án có vốn nước ngoài đã được triển khai thực hiện:

+ Lập quỹ đất giúp nhà đầu tư thuận tiện khi lựa chọn địa điểm đầu tư tại thành phố.

+ Hỗ trợ về bồi thường giải phóng mặt bằng.

+ Hỗ trợ sau khi cấp giấy chứng nhận đầu tư.

+ Hàng năm, thành phố tổ chức khen thưởng các doanh nghiệp có vốn ĐTNN hoạt động thành công và có những đóng góp tích cực cho kinh tế - xã hội của thành phố...

2.3 Cơ sở hạ tầng

- *Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của TP.HCM*

Giao thông đường sắt của TP.HCM gồm các tuyến nội ô và khu vực phụ cận, hầu như đã ngưng khai thác. Tại TP.HCM có hai nhà ga chính: Sóng Thần và Sài Gòn. Bên cạnh đó còn có một số nhà ga nhỏ như Dĩ An, Thủ Đức, Bình Triệu, Gò Vấp. Do mạng lưới đường sắt không được nối trực tiếp với các cảng, cơ sở đã cũ kỹ nên giao thông đường sắt TP.HCM không phát triển, chỉ chiếm khoảng 6% khối lượng hàng hóa và 0,6% khối lượng hành khách.

Về giao thông đường bộ, TP.HCM có 6 bến xe khách liên tỉnh được phân bố ở các cửa ngõ ra vào, mạng lưới khả năng tiếp nhận trên 1.200 xe/ngày, vận chuyển gần 41.000 khách/ngày đi các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

Khu vực TP.HCM có bốn cảng biển chính: Sài Gòn, Bến Nghé, Nhà Bè, Tân Cảng cùng các cảng sông Bình Đông, Tân Thuận, Tôn Thất Thuyết, Bình Lợi, Bình Phước... Ngoài ra còn có khoảng 50 bến đò phục vụ giao thông hành khách. Cảng Sài Gòn là một trong những cảng lớn nhất VN, chiếm 25% trong tổng khối lượng hàng hóa thông qua các cảng biển cả nước. Cảng Bến Nghé nằm phía hạ lưu sông Sài Gòn, có thể cho tàu có tải trọng từ 15.000 - 20.000 tấn cập bến. Tuy năng lực của các cảng của TP.HCM lớn nhưng việc chuyển tiếp giữa giao thông đường bộ, đường biển và đường sông gặp khó khăn. Tại hầu hết các cảng đường sông, do thiết bị thiếu, vẫn phải bốc dỡ thủ công.

Giao thông trong nội ô, do tốc độ tăng dân số nhanh, quy hoạch yếu, hệ thống đường xá nhỏ... khiến thành phố luôn phải đối mặt với vấn đề ùn tắc. TP.HCM có 239 cây cầu nhưng phần lớn các cây cầu có trọng tải thấp hay đang trong tình trạng xuống cấp. Tại các huyện ngoại thành, hệ thống đường vẫn phần nhiều là đường đất đá. Trong khi đó, hệ thống đường trải nhựa còn lại cũng trở nên quá tải, cần sửa chữa.

TP.HCM đã có nhiều cố gắng trong việc huy động các nguồn lực cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật. TP.HCM có khả năng cung cấp một hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại phù hợp cho sự phát triển kinh tế xã hội. Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của TP.HCM tăng lên nhanh chóng trong vòng 10 năm qua. Có thể thấy rằng giai đoạn 1996 - 2005, TP.HCM đã dành nhiều vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng và bình quân hàng năm chi cho cơ sở hạ tầng chiếm 85 - 90% tổng

chi đầu tư phát triển của ngân sách thành phố.

Hệ thống cơ sở hạ tầng của TP.HCM đã đóng góp lớn cho phát triển kinh tế của thành phố. Tuy nhiên, vẫn còn chưa thực sự tương xứng với vị thế của thành phố. TP.HCM hiện có những trở ngại như: nạn kẹt xe, cơ sở hạ tầng yếu kém, điện năng chưa đủ đáp ứng nhu cầu trong các trung tâm công nghiệp chủ chốt. Chi phí cho điện năng và viễn thông rất đắt đỏ, chất lượng đường xá không đồng đều hay tình trạng ngập lụt trên nhiều tuyến đường ảnh hưởng lớn tới việc vận chuyển hàng hóa... Mặc dù chính quyền TP.HCM đã có nhiều nỗ lực, ngân sách nhà nước và vốn ODA vẫn chưa thể đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng. Phát triển hạ tầng tại TP.HCM đang diễn ra chậm hơn so với tăng trưởng kinh tế và điều này đang là một gánh nặng đối với các nhà đầu tư.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của các khu chế xuất, khu công nghiệp

Nhìn chung các KCN, KCX trên địa bàn thành phố hoạt động ổn định, đặc biệt là các KCN, KCX có cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện; tính đến nay tỷ lệ lấp đầy tại các KCN, KCX đạt 70% ở giai đoạn 1. Tỷ lệ lấp đầy tại các KCN, KCX của TP.HCM từ 50% trở lên có 9 khu, còn lại một vài khu tỷ lệ lấp đầy chưa cao. Nguyên nhân là do cơ sở hạ tầng còn thiếu điện, nước. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông kết nối giữa KCX, KCN với bên ngoài vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều tuyến đường nối vào KCX, KCN xuống cấp trầm trọng và thường xuyên kẹt xe trong giờ cao điểm.

Vấn đề xử lý nước thải ở các KCX, KCN chưa được coi trọng. Nhiều năm liền, chất thải trong các KCX, KCN vẫn thẳng nhiên đổ vào kênh rạch, sông ngòi và đồng ruộng. Vấn đề bảo vệ môi trường, biện pháp xử lý các chất thải trong công nghiệp vẫn chưa được đề cập và giải quyết triệt để. Theo thống kê của Sở TN&MT, vẫn còn gần 200 trong tổng số gần 1.000 doanh nghiệp tại các KCN, KCX chưa đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của các KCN, KCX. Ngoài ra, trong số gần 1.000 doanh nghiệp các KCN, KCX cũng có khoảng 170 doanh nghiệp phát sinh khí thải, trong đó phần lớn là các khí thải độc hại, hơi dầu, hơi axit, xi mạ, mùi hôi thối từ thuộc da... nhưng rất ít doanh nghiệp có hệ thống khử mùi, xử lý khí độc hại trước khi thải ra môi trường.

- Dịch vụ tài chính - ngân hàng

Với vai trò đầu tàu kinh tế và là một trung tâm tài chính lớn nhất của cả nước, TP.HCM quy tụ hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính và hơn 30% số lượng định chế tài chính của cả nước. Cơ cấu các định chế tài chính đa dạng về loại hình hoạt động lẫn hình thức sở hữu. Số lượng các định chế tài chính nước ngoài hoạt động trên địa bàn TP.HCM là khá lớn (hơn 50% so với cả nước). Riêng số lượng 2 loại hình định chế thuộc lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và dịch vụ bảo hiểm đã chiếm tỷ lệ 50% và khống chế hơn 30% thị phần dịch vụ tài chính của cả nước.

Cho đến nay, Nhà nước đã xây dựng được khung pháp lý khá đầy đủ và từng bước hoàn thiện để tạo điều kiện cho thị trường hoạt động ổn định. Đặc biệt, việc xây dựng, ban hành và triển khai Luật giao dịch điện tử, triển khai đề án thanh toán không dùng tiền mặt đã góp phần tạo cơ sở pháp lý cho các dịch vụ ngân hàng điện tử phát triển, thúc đẩy sự phát triển thị trường dịch vụ ngân hàng. Hình thành được một hệ thống các nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng vận hành theo cơ chế thị trường, đa dạng hóa về hình thức sở hữu và kinh doanh đa năng. Quy mô hoạt động của thị trường dịch vụ ngân hàng trên địa bàn TP.HCM luôn dẫn đầu cả nước (về số lượng các nhà cung cấp dịch vụ, người sử dụng dịch vụ, tốc độ huy động và dư nợ cho vay cũng như giao dịch các dịch vụ khác) và gia tăng với tốc độ cao. Cụ thể, quy mô huy động và dư nợ cho vay chiếm đến 25% - 30% quy mô của thị trường cả nước. Điều này đã góp phần không nhỏ trong việc đáp ứng cho yêu cầu tăng trưởng của một trung tâm kinh tế như TP.HCM.

Tuy nhiên, dịch vụ ngân hàng được phát triển theo chiều rộng nhưng chưa phát triển mạnh theo chiều sâu... Tiềm năng của dịch vụ chưa cao. Có nhiều dịch vụ ngân hàng đã cung cấp nhưng chưa được khách hàng quan tâm, hài lòng, hoặc cũng tạm hài lòng nhưng đề nghị hoàn thiện:

- + Dịch vụ tư vấn tài chính
- + Dịch vụ tín dụng tiêu dùng
- + Dịch vụ tài trợ nội địa đối với doanh nghiệp
- + Dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế
- + Dịch vụ ngân quỹ và thanh toán

2.4 Nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp FDI

Ngành nghề đầu tư trong KCX, KCN rất đa

dạng, chủ yếu tập trung vào ngành may công nghiệp, da giày, thú nhồi bông, túi xách, dệt, chế biến thực phẩm chiếm tỷ lệ lao động rất cao trong toàn khu. Do đặc điểm ngành may công nghiệp là chủ yếu nên lao động chiếm 75% là lao động nữ. Nếu tính bình quân thì lao động ở các tỉnh khác đến chiếm khoảng trên 50%, ở một số khu chế xuất, khu công nghiệp của thành phố con số này lên đến 60%. Chính vì vậy, tồn tại ở đây một nghịch lý là tình trạng thừa lao động không qua đào tạo, nhưng lại thiếu lao động có tay nghề. Hiện nay, ở TP.HCM, tỷ lệ lao động được các doanh nghiệp tuyển dụng từ nhiều hệ thống đào tạo khác nhau chỉ chiếm khoảng 25%, còn lại là do doanh nghiệp tự đào tạo. Thêm vào đó, số doanh nghiệp có trình độ đại học, cao đẳng, được đào tạo bài bản về lý thuyết tuy không ít, nhưng đa phần không đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ (tiếng Anh, Hoa, Nhật...) và yếu về thực tế. Các KCX, KCN tại TP.HCM đang từng bước chuyển đổi công năng để đáp ứng yêu cầu sản phẩm đa dạng và thị trường có sức cạnh tranh quốc tế, cho nên việc hình thành cơ cấu lao động kỹ thuật theo trình độ đang là vấn đề quan tâm cho việc đào tạo nguồn nhân lực KCX, KCN (lao động không có kỹ thuật cao, bán lành nghề, lành nghề, lao động trình độ cao...)

2.5 Thủ tục hành chính liên quan đến FDI

Từ khi Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp 2005 được ban hành đến nay, UBND TP.HCM đã ban hành các quyết định, văn bản phân công, ủy quyền cho Sở KH&ĐT nhằm mục đích giảm bớt thời gian giải quyết các thủ tục hành chính trong việc cấp và điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan trong hoạt động đầu tư theo quy trình giải quyết hồ sơ được khép kín từ khâu tiếp nhận hồ sơ, xử lý và cấp giấy phép đầu tư.

Sở KH&ĐT đã xây dựng và triển khai phần mềm “hướng dẫn lập hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng”. Công tác hướng dẫn lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đầu tư sẽ được áp dụng cho tất cả các trường hợp từ đăng ký mới đến điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư và thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Đồng thời, để thực hiện công tác cải cách hành chính, rút ngắn thời gian, đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với các dự án có vốn ĐTNN trên địa bàn thành phố, UBND TP.HCM đã ban hành Quyết định 236/2004/QĐ-UB ngày

14/10/2004 quy định về thủ tục, trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTTTNN) trên địa bàn TP.HCM.

2.6 Trình độ công nghệ

Tính đến nay, đã có trên 40 nước và khu vực lãnh thổ đầu tư vào các KCN, KCX trên địa bàn TP.HCM nhưng các nhà đầu tư đến từ các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như: Mỹ, EU còn ít. Do vậy, tỷ lệ các dự án có hàm lượng công nghệ cao còn hạn chế. Hiện tượng này làm cho các KCN, KCX trên địa bàn thời gian qua chỉ mới thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, chứ chưa thúc đẩy công cuộc hiện đại hóa nền kinh tế. Quy mô dự án FDI bình quân trên địa bàn thành phố vào khoảng 8 triệu USD, đứng sau Hà Nội và Đồng Nai (> 10 triệu USD/1 dự án). Điều này phần nào phản ánh trình độ công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn không nhỉnh hơn các vùng còn lại. Một số doanh nghiệp đầu tư công nghệ tiên tiến như các doanh nghiệp Nhật, một số doanh nghiệp Đài Loan, Hàn Quốc cũng đầu tư công nghệ mới cho sản xuất, nhưng các công nghệ này chỉ có thể đánh giá là công nghệ tiên tiến và trung bình chứ chưa phải là công nghệ cao vì với nhiều doanh nghiệp đây chỉ là sự dịch chuyển công nghệ từ các nước khác để phục vụ cho 1 số quy trình đơn giản.

Đầu tư của nước ngoài vào TP.HCM trong hơn một thập kỷ qua chưa tạo ra một sự chuyển biến mạnh về chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp nước ngoài cho doanh nghiệp trong nước. Điều này có thể lý giải bởi nhiều lý do. Trước hết, hệ thống pháp luật và việc thực thi pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của VN đang còn nhiều bất cập. Thứ hai, các doanh nghiệp tư nhân quy mô còn nhỏ bé, thiếu năng lực về tài chính để thanh toán các hợp đồng chuyển giao công nghệ, trong khi đó doanh nghiệp nhà nước thường muốn nhập khẩu thiết bị từ nước ngoài hơn vì còn có những lợi ích khác. Thứ ba, mối liên kết và hợp tác trong sản xuất kinh doanh giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài còn yếu. Kết quả điều tra vừa qua cho thấy 56% doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ qua con đường nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài và chỉ có 23% thông qua liên kết với các doanh nghiệp FDI mà thôi.

3. Đánh giá môi trường đầu tư thu hút và sử dụng FDI tại TP.HCM

3.1 Những kết quả đạt được

- *Môi trường đầu tư ngày càng hoàn thiện góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh thu hút vốn đầu tư trên địa bàn thành phố.*

Bằng việc vận dụng hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách của Nhà nước liên quan đến ĐTTTNN năng động, sáng tạo, chính quyền TP.HCM đã tạo ra môi trường đầu tư kinh doanh của TP.HCM trong những năm qua đã có bước tiến phù hợp hơn với thực tế và thông lệ quốc tế. Nhân tố quan trọng hàng đầu tạo sự thông thoáng môi trường đầu tư là thực hiện nhất quán, đồng bộ Luật đầu tư. Thủ tục thành lập công ty gọn nhẹ. Cùng với thực hiện Luật doanh nghiệp, Luật hải quan, Luật thuế, Luật đất đai, UBND TP.HCM cũng đã thông qua tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư, họp mặt doanh nhân để nắm bắt nhu cầu đầu tư. Trên cơ sở đó, TP.HCM đã ban hành một số chủ trương tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt, TP.HCM đã tập trung nhiều công sức thực hiện quyết liệt cải cách hành chính phục vụ doanh nghiệp coi đây là khâu đột phá để hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- *Quy mô thu hút và hiệu quả sử dụng vốn FDI được cải thiện*

TP.HCM vẫn đang dẫn đầu cả nước về thu hút FDI. Về cơ cấu đầu tư, các dự án FDI tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp. Đáng chú ý là trong 5 năm gần đây, FDI có xu hướng tập trung vào các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, công nghệ thông tin, công nghệ cao... với quy mô ngày càng lớn. Khu vực dịch vụ chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số vốn đăng ký. Nguồn vốn FDI đã góp phần quan trọng bổ sung nguồn vốn trong nước và trở thành động lực, tạo ra “cú hích” cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của TP.HCM; gia tăng kim ngạch trong tổng giá trị xuất khẩu của TP.HCM. Các dự án FDI còn có tác động mạnh trong giải quyết việc làm cho lao động nội và ngoại thành, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục... Thu hút FDI đã góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội, phát triển kết cấu hạ tầng của TP.HCM; góp phần rất lớn trong công cuộc CNH - HĐH TP.HCM.

3.2 Những hạn chế

3.2.1 Đánh giá chung

- Về luật pháp, chính sách đối với thu hút và sử dụng FDI:

Chính sách ưu đãi đầu tư chưa thật sự hấp dẫn nhà đầu tư. Chi phí đầu tư như giá cho thuê đất, thuê văn phòng, thuê cảng biển, thuế nhập khẩu đối với một số nguyên liệu còn cao làm giảm tính cạnh tranh so với các địa phương khác và các nước trong khu vực. Giải phóng mặt bằng, đền bù tái định cư khi thu hồi đất cho các dự án còn gặp nhiều khó khăn là nguyên nhân quan trọng nhất làm ách tắc quá trình triển khai dự án.

- Về quản lý và thủ tục hành chính:

Thực trạng vốn đăng ký nhiều nhưng giải ngân ít (khoảng 40% số vốn đăng ký). Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của việc hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh ở các cấp, các ngành tại TP.HCM chưa sâu sắc. Những việc làm nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh vừa qua phần nhiều còn mang tính tác nghiệp, thiếu đồng bộ. Do đó, TP.HCM chưa có được một chiến lược tốt về cải thiện môi trường đầu tư thu hút nguồn vốn ĐTNN và đầu tư trong nước. Chưa quản lý, kiểm tra được tiến độ danh mục các dự án, đặc biệt các dự án kém hiệu quả, chậm tiến độ.

- Về cơ sở hạ tầng:

Thực trạng cho thấy công tác quy hoạch yếu, dự án chưa chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đạt chất lượng, thiếu vốn, không có cơ chế thu hút vốn từ nhân vào cơ sở hạ tầng hoặc có nhưng không đồng bộ... Khi xây dựng được cơ sở hạ tầng rồi thì tính đồng bộ quá yếu kém, làm hiệu quả dự án bị giảm đi, gây khó khăn cho các nhà đầu tư.

- Về hệ thống thông tin:

Thông tin về đầu tư, lựa chọn đối tác đầu tư chưa công khai, minh bạch. Các trang web của các sở, ban, ngành chưa cụ thể hóa các thông tin cần thiết cho nhà đầu tư, ngôn ngữ tiếng Anh còn hạn chế. Các ban, ngành chưa phối hợp chặt chẽ với

Sở KH & ĐT để giải quyết theo các yêu cầu của nhà đầu tư.

3.2.2. Đánh giá với tư cách là địa phương nhận đầu tư

- Về công nghệ phụ trợ:

Ngành công nghiệp phụ trợ ở TP.HCM nói riêng mới chỉ ở giai đoạn sơ khai và còn yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của ngành công nghiệp chế tạo, lắp ráp, đặc biệt là cung cấp cho các doanh nghiệp, các tập đoàn có vốn ĐTNN. Hơn nữa, số lượng doanh nghiệp chuyên về công nghiệp phụ trợ còn ít, trình độ chỉ ở mức trung bình, thậm chí còn có thể nói là thấp và lạc hậu so với khu vực và nhiều quốc gia trên thế giới.

- Về lao động:

Cơ cấu đào tạo nhân lực ở TP.HCM cũng còn mất cân đối và thiếu hụt những bộ phận nhân lực cao ở những ngành công nghệ mũi nhọn, những lĩnh vực quan trọng của đời sống kinh tế - xã hội, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, chưa đều và còn khoảng cách xa so với yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Nguồn nhân lực phân bố chưa hợp lý và sử dụng chưa hiệu quả. Bên cạnh đó là các cơ chế, chính sách, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng tuyển dụng, sử dụng, cân nhắc đề bạt, luân chuyển, đãi ngộ... đang bộc lộ những bất cập.

- Về ô nhiễm môi trường:

TP.HCM hiện nay đang phải đối mặt với vấn đề ô nhiễm môi trường. Hiện tượng nước thải ở TP.HCM không được xử lý, đổ thẳng vào hệ thống sông ngòi rất phổ biến. Nhiều cơ sở sản xuất, kể cả các doanh nghiệp FDI chưa xử lý nước thải, chưa có hệ thống xử lý nước thải. Lượng rác thải ở thành phố lên tới 6.000 tấn/ngày, trong đó một phần lượng rác thải rắn không được thu gom hết. Các phương tiện giao thông, hoạt động xây dựng, sản xuất... còn góp phần gây ô nhiễm không khí. Khu vực ngoại thành, đất cũng bị ô nhiễm do tồn đọng thuốc bảo vệ thực vật từ sản xuất nông nghiệp gây nên.

- Về xuất khẩu:

Rào cản cho việc đẩy mạnh xuất khẩu của TP.HCM là chất lượng cơ sở hạ tầng yếu kém và thủ tục hải quan rườm rà. Điều này làm cho chi phí xuất khẩu trên đơn vị hàng hóa gia tăng, giảm năng lực cạnh tranh quốc tế của hàng hóa xuất khẩu.

3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Những nguyên nhân làm hạn chế môi trường đầu tư FDI của TP.HCM là:

- Thói quen tư duy, nếp nghĩ của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đè nặng lên tâm lý của các nhà quản lý, cùng với quá trình chậm mở cửa để thu hút FDI so với các nước trong khu vực. Chưa có sự nhận thức đúng thống nhất ở các cấp, các ngành về vai trò của FDI, dẫn đến việc hoạch định chính sách chưa đúng, chưa kịp thời, các quan điểm xử lý nhiều vấn đề cụ thể liên quan đến FDI còn khác nhau, gây khó khăn cho các doanh nghiệp có vốn FDI.

- Bộ máy hành chính hoạt động chưa hiệu quả. Đội ngũ cán bộ quản lý chuyên trách về ĐTTNN chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra; chưa có sự thống nhất chỉ đạo từ trung ương tới địa phương.

- Cán bộ làm việc trong các liên doanh chưa được đào tạo bồi dưỡng kiến thức cần thiết về ĐTTNN; trình độ ngoại ngữ kém, ít thông hiểu pháp luật.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chất lượng đào tạo nghề, môi trường văn hóa yếu đang làm mất đi tính hấp dẫn của ĐTTNN.

- Ý thức trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có vốn FDI còn thấp; vì mục tiêu lợi nhuận một số doanh nghiệp có vốn FDI đã có các hành vi gian lận, lừa đảo như: chuyển giá, khai sai thuế trốn thuế, trốn đóng bảo hiểm cho người lao động, gây ô nhiễm môi trường.

4. Những giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư thu hút và sử dụng FDI tại TP.HCM trong bối cảnh VN là thành viên của WTO

4.1 Ổn định bền vững môi trường kinh tế vĩ mô

Trong thời gian tới, TP.HCM cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục thay đổi một cách sâu sắc nhận thức và tư duy trong xây dựng chính sách và điều hành quản lý nhà nước theo hướng từ trực tiếp, hành chính, mệnh lệnh sang gián tiếp thông qua việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chí và các đòn bẩy kinh tế.

Thứ hai, thúc đẩy hoàn thành các dịch vụ công minh bạch, hiệu quả; điều tra, giám sát mạnh hơn nữa đối với các dự án sử dụng vốn ODA như một phương cách chống tham nhũng hữu hiệu, nhằm tạo môi trường đầu tư lành mạnh, xây dựng tâm lý tin tưởng, ổn định cho nhà ĐTTNN.

Thứ ba, hoàn thành công tác quy hoạch, làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện dự án đầu tư. Tận dụng lợi thế của các nhà tư vấn nước ngoài

để thực hiện quy hoạch tổng mặt bằng đến năm 2025, trước mắt sớm hoàn thành quy hoạch khu trung tâm thành phố và một số khu đô thị, khu công nghiệp mới.

Thứ tư, kiến nghị Thủ tướng chỉ đạo các Bộ, ngành trung ương phối hợp với UBND TP.HCM sớm hoàn thành quy hoạch ngành kinh tế - kỹ thuật, nhất là trong các lĩnh vực dịch vụ, để mau chóng tạo điều kiện thu hút đầu tư phù hợp với những cam kết mở cửa WTO.

Đặc biệt ưu tiên cho những dự án thâm dụng vốn và tạo ra sản phẩm công nghệ cao, những dự án phát triển đô thị quy mô 50 ha trở lên.

4.2 Phát triển thể chế và chính sách đầu tư phù hợp với thông lệ quốc tế

Về phát triển thể chế:

Pháp luật liên quan đến thu hút và sử dụng FDI bao gồm các luật như: Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật thuế, Luật bảo vệ môi trường...

- Triển khai thực hiện tốt và giám sát việc thực hiện Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, Luật xây dựng, Luật môi trường... Tích cực cải thiện môi trường pháp lý bằng cách nhanh chóng giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực thi Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp, nhất là các quy định còn thiếu, chưa rõ ràng và chưa nhất quán giữa các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường liên quan đến FDI bởi qui định pháp luật có tác động mạnh đến hành vi môi trường của các doanh nghiệp. Một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh không chỉ thuận lợi trong việc thu hút FDI mà còn góp phần bảo vệ môi trường đầu tư. Ngoài việc cụ thể hóa những quy định pháp luật và xem xét tính hợp lý của một số chỉ tiêu về môi trường, hiệu lực của Luật bảo vệ môi trường cần được nâng cao. Các cơ quan quản lý cần cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật cho các doanh nghiệp FDI, và tư vấn cho doanh nghiệp về thực thi pháp luật môi trường.

- Nhà nước cần sớm ban hành các quy định cụ thể về mở cửa thị trường theo cam kết gia nhập WTO, về điều kiện kinh doanh đối với các lĩnh vực kinh doanh có điều kiện.

Về chính sách đầu tư, mở cửa thị trường đầu tư

- Tiếp tục kiến nghị với Chính phủ có lộ trình

thực hiện cụ thể xóa bỏ các ngành kinh doanh độc quyền giảm bớt những rào cản phát triển của doanh nghiệp.

- Chính sách và cơ chế khuyến khích đầu tư FDI sạch.

- Triển khai áp dụng một số tiêu chí cơ bản để đánh giá một doanh nghiệp thực hiện giải pháp môi trường tốt nhất như:

- + Vận hành với các tiêu chuẩn môi trường cao mang tính toàn cầu.

- + Tích cực gắn kết với các đối tác địa phương.

- + Chuyển giao kỹ năng và công nghệ thân thiện môi trường tới đối tác tại nước chủ nhà.

- + Đảm bảo để nước chủ nhà nhận được những lợi ích hợp lý trong FDI, đặc biệt trong các lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên.

- Khắc phục những mặt chưa hoàn thiện về quy hoạch giúp nhà đầu tư tìm được địa điểm đầu tư hợp lý.

- Tích cực hỗ trợ và khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào cơ sở và các ngành công nghiệp phụ trợ

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, và cải thiện quy trình xử lý giấy tờ nhằm giảm phiền hà cho nhà đầu tư và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tiếp tục kiện toàn cơ chế "một cửa" làm đầu mối hỗ trợ nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Tăng cường kêu gọi vốn ĐTNN vào lĩnh vực hạ tầng nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng của TP.HCM, từ đó có tác dụng ngược trở lại thu hút các nhà ĐTNN mạnh hơn.

- Đề xuất một số cơ chế, chính sách riêng nhằm nâng cao giải pháp thu hút nguồn vốn, trong đó tập trung cụ thể vào các vấn đề như xúc tiến đầu tư, quy hoạch chung, để đẩy nhanh quá trình bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án đã được cấp và sắp được cấp phép đầu tư.

- Rà soát lại cơ chế, chính sách về giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp.

- Nâng cao năng lực cán bộ thuộc cơ quan công quyền, đáp ứng được yêu cầu tiếp cận được với những nguồn vốn lớn từ quốc tế.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ cho người lao động và giải quyết tốt vấn đề tranh chấp lao động. Đặc biệt cần chú ý cải thiện chất lượng đào tạo đối với những ngành dịch vụ - công nghệ cao và những ngành thu hút mạnh

nguồn vốn FDI.

4.3 Phát triển cơ sở hạ tầng

- Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế

Để thu hút vốn đầu tư cần có những tác động tích cực nhằm phát triển cơ sở hạ tầng của TP.HCM với tốc độ cao. Thúc đẩy việc huy động vốn đầu tư dựa trên cơ sở gia tăng nguồn vốn tự có của TP.HCM.

Cần điều chỉnh chính sách phân bổ vốn đầu tư của ngân sách. Việc bố trí các nguồn vốn đầu tư ngân sách của TP.HCM cho phát triển hạ tầng trên địa bàn cần tập trung vào những khâu, những công trình then chốt mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng đầu tư hoặc không muốn đầu tư vì đòi hỏi vốn lớn, thời gian hoàn vốn dài. Bên cạnh đó, tập trung vào công tác khảo sát, thiết kế, lập kế hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình, bố trí vốn đối ứng cho những công trình đã cam kết với phía nước ngoài để đảm bảo tốc độ giải ngân, vốn cho giải phóng mặt bằng.

Thu hút khu vực tư nhân gia tăng dịch vụ cơ sở hạ tầng qua mô hình hợp tác công tư. Cần đẩy mạnh chính sách xã hội hóa trong khu vực cung ứng dịch vụ công nhằm gia tăng sự tham gia của khu vực tư nhân vào đầu tư cơ sở hạ tầng bằng việc xây dựng những định chế ổn định và khuôn khổ pháp lý thích hợp. Có thể mở cửa các dịch vụ công ích của TP.HCM như vệ sinh môi trường, điện nước, vận tải hành khách công cộng... hoặc mở rộng hình thức liên doanh với các nhà đầu tư tư nhân. TP.HCM cần khuyến khích việc đầu tư theo hình thức BT, BOT, BTO ... để gia tăng sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân vào đầu tư cơ sở hạ tầng. Muốn vậy, TP.HCM cần phải cải thiện khuôn khổ quy định và giá cả. Khuôn khổ đó phải thật rõ ràng và thông thoáng, trong đó các nhà đầu tư có quyền định đoạt giá phí để thu hồi vốn trên cơ sở thỏa thuận với UBND TPHCM theo nguyên tắc người đầu tư chấp nhận được.

- Phát triển dịch vụ tài chính – ngân hàng

Thứ nhất, để phát triển thị trường dịch vụ tài chính trong bối cảnh mà VN đang từng bước thực hiện lộ trình hội nhập quốc tế thì vấn đề lành mạnh hoạt động của thị trường này càng mang tính cần thiết khách quan. Hoạt động cạnh tranh của các doanh nghiệp này chủ yếu tập trung ở hai vấn đề là cạnh tranh về cung ứng sản phẩm dịch vụ và về giá cả dịch vụ để thị trường dịch vụ tài

chính hoạt động lành mạnh.

Thứ hai, để thị trường dịch vụ tài chính hướng ra với thị trường quốc tế, Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến quá trình hội nhập.

Thứ ba, Nhà nước cần hoàn thiện các quy trình trong thanh toán quốc tế theo hướng hoàn thiện các quy định pháp lý có liên quan đến các phương tiện thanh toán như hối phiếu, séc... theo thông lệ quốc tế.

Thứ tư, hoàn thiện các bộ luật riêng cho từng ngành ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán... cho phù hợp với thông lệ quốc tế và đặc biệt là phù hợp với xu thế hội nhập.

Phát triển thị trường dịch vụ tài chính trong bối cảnh hội nhập nên vấn đề tăng cường kiểm soát các dòng vốn thông qua thị trường là một yêu cầu khách quan. Nội dung phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát tài chính cần tập trung vào những vấn đề: Kiểm soát sự tham gia của nước ngoài vào thị trường vốn quốc gia thông qua các dịch vụ tài chính; kiểm soát sự tham gia vào thị trường tài chính nước ngoài của doanh nghiệp tài chính trong nước; kiểm soát các hoạt động tài chính qua biên giới để vừa thúc đẩy hội nhập vừa hạn chế rủi ro, phòng chống tội phạm trong lĩnh vực này.

- *Cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ công*

Liên quan đến môi trường thu hút đầu tư FDI, thành phố cần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. TP.HCM cần khẩn trương triển khai phần mềm “hướng dẫn lập hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đầu tư qua mạng”. Việc xây dựng phần mềm này sẽ góp phần giải quyết các vấn đề sau:

+ Tiết kiệm không gian và thời gian cho nhà đầu tư và bộ phận xử lý hồ sơ.

+ Nâng cao quản lý nhà nước về đầu tư.

+ Góp phần cải thiện hình ảnh của TP.HCM.

4.4 Phát triển và nâng cao trình độ công nghệ quốc gia

Nâng cao trình độ công nghệ được xác định là khâu đột phá để phát triển các ngành công nghiệp chủ lực tại TP.HCM trong quá trình CNH – HĐH; tạo hàng hóa thay thế nhập khẩu, tạo chủ động cho sản xuất hàng hóa tiêu dùng và xuất khẩu nên phải được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ và ưu đãi. Các giải pháp cần thực hiện:

Một là, giải pháp tạo dựng môi trường đầu tư, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh.

Hai là, giải pháp về khoa học - công nghệ.

Nhà nước cần xây dựng và ban hành một hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế, làm căn cứ cho định hướng phát triển. Cần nâng cấp, hoàn thiện các tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm phụ trợ đạt trình độ quốc tế.

Ba là, giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực.

Bốn là, giải pháp về liên kết doanh nghiệp:

Trong giai đoạn từ 2010 đến 2020, trước mắt cần có kế hoạch kết nối các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa thông qua các chương trình giới thiệu nhu cầu phát triển và sử dụng sản phẩm phụ trợ và hợp đồng kinh tế giữa hai bên.

Năm là, TP.HCM cần sớm xây dựng các cơ sở dữ liệu hiệu quả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Đặng Ngọc Định (5/2006), *Đánh giá tính bền vững môi trường của đầu tư trực tiếp nước ngoài ở VN*.
2. Hoàng Thị Bích Loan (2008), *Thu hút đầu tư trực tiếp của các công ty xuyên quốc gia vào VN*, NXB Chính trị quốc gia.
3. Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho VN (4-5/12/2008), *Báo cáo cập nhật tình hình phát triển kinh tế của VN – Báo cáo của Ngân hàng thế giới*.
4. Ngô Huy Nam, *Đánh giá đầu tư trực tiếp nước ngoài tại VN*.
5. Nguyễn Bích Đạt (2006), *Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở VN*, NXB Chính trị quốc gia.
6. Nguyễn Duy Khánh (2006), *Triển vọng FDI vào VN trong bối cảnh hội nhập 2006 – 2010*, năm 2006.
7. TS. Nguyễn Thị Tuệ Anh (trưởng nhóm), *Tác động FDI đến tăng trưởng kinh tế ở VN*.
8. Các trang web:
 - Cục Đầu tư nước ngoài: <http://fia.mpi.gov.vn>
 - Tổng cục Thống kê: <http://www.gso.gov.vn>
 - Quỹ Tiền tệ Thế giới: <http://www.imf.org>
 - Ngân hàng Thế giới: <http://www.worldbank.org>
 - Tổ chức UNCTAD: <http://www.unctad.org>
 - Google: <http://www.google.com.vn>
 - Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài: www.vafie.org.vn
 - <http://www.cchctp.hochiminhcity.gov.vn>
 - <http://www.dpi.hochiminhcity.gov.vn>